

Số: /QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật
đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt DFV

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH 12, ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định 109/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT, ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01/04/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Đoàn thẩm định theo Quyết định số 03/QĐ-SYT, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt DFV, do Bác sĩ Trần Thị Dung là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ: Số 30-31, đường Lê Quang Đạo, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- **Phạm vi chuyên môn:** Sơ cứu, cấp cứu, khám chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt.

- **Danh mục kỹ thuật:** Phê duyệt 109 kỹ thuật (có phụ lục đính kèm)

Điều 2: Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt DFV có trách nhiệm triển khai, thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (bà) Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Chánh thanh tra Sở Y tế; Phòng Y tế thành phố Từ Sơn và Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt DFV căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Lưu VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bá Quý

**PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT
THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT CỦA BỘ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày 01 tháng 02 năm 2023
của Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	Số thứ tự theo Thông tư 43/2013/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật
		XVI. RĂNG - HÀM - MẶT
1	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
2	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn
5	41	Điều trị viêm quanh răng
6	42	Chích áp xe lợi
7	43	Lấy cao răng
8	50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
9	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
10	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
11	56	Chụp tủy bằng MTA
12	57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
13	59	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
14	61	Điều trị tủy lại
15	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
16	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
17	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement
18	71	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
19	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite
20	76	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
21	77	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
22	78	Veneer Composite trực tiếp
23	80	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser
24	82	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
25	83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt

26	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
27	86	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
28	88	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
29	89	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
30	90	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
31	92	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
32	94	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
33	96	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
34	97	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implants
35	99	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
36	101	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
37	103	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
38	104	Chụp nhựa
39	105	Chụp kim loại
40	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa
41	107	Chụp hợp kim thường cần sứ
42	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
43	109	Chụp sứ toàn phần
44	111	Chụp sứ Cercon
45	113	Cầu hợp kim thường
46	115	Cầu kim loại cần sứ
47	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
48	118	Cầu sứ toàn phần
49	119	Cầu sứ Cercon
50	120	Chốt cùi đúc kim loại
51	121	Cùi đúc Titanium
52	123	Inlay/Onlay kim loại
53	124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
54	126	Inlay/Onlay sứ toàn phần
55	128	Veneer sứ toàn phần
56	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
57	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
58	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
59	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
60	133	Hàm khung kim loại
61	134	Hàm khung Titanium
62	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
63	137	Tháo cầu răng giả
64	138	Tháo chụp răng giả
65	139	Sửa hàm giả gãy
66	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
67	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
68	142	Đệm hàm nhựa thường
69	144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi

70	146	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
71	154	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
72	162	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
73	163	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
74	164	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
75	168	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
76	170	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
77	173	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
78	174	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
79	176	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
80	177	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
81	178	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
82	184	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
83	185	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
84	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
85	188	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
86	193	Gắn band
87	195	Máng nâng khớp cắn
88	196	Mài chỉnh khớp cắn
89	203	Nhổ răng vĩnh viễn
90	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
91	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn
92	206	Nhổ răng thừa
93	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc
94	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
95	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả
96	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
97	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
98	226	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement
99	227	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement
100	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
101	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
102	232	Điều trị tủy răng sữa
103	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
104	234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
105	236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement
106	238	Nhổ răng sữa
107	239	Nhổ chân răng sữa
108	240	Chích Apxe lợi trẻ em
109	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

